

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/DS-PT

Ngày: 04 - 7 - 2019

V/v: “*Tranh chấp về
thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông La Minh Tường.

Các Thẩm phán:

Ông Trần Hưng Bình;

Bà Nguyễn Thị Kim Trọng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vy, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Văn Sinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2019/TLPT-DS ngày 01/4/2019 “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019 ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo và kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐ-PT ngày 16/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Ngô T**, sinh năm 1936.

Trú tại: Đường C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Đăng K, theo giấy ủy quyền của ông Ngô T, ngày 14/6/2019. Có mặt.

- Ông Ngô Văn T, sinh năm 1969; bà Ngô Thị Cẩm T, sinh năm 1971; bà Ngô Thị Cẩm N, sinh năm 1973; bà Ngô Thị Cẩm V, sinh năm 1977; cùng trú tại: Đường C, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tất cả đều ủy quyền cho ông Ngô T tham gia phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Trịnh Đức Duy, Ông Đặng Đăng Khoa, Luật sư của Công ty luật VIETSUN thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Trọng Anh T**, sinh năm 1967. Trú tại: Đường V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1970. Trú tại: Đường V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1936. Trú tại: 30/16 đường V, quận a, thành phố Hồ Chí Minh (đã chết); người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà T, ông Nguyễn Trọng Anh V. Trú tại: Đường V, quận a, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1951. Trú tại: Đường Phan B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Trọng Hải H, sinh năm 1958. Trú tại: Đường V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Trọng Anh D, sinh năm 1961. Trú tại: Đường V, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

5. Bà Trần Thị T. Trú tại: Nguyễn Tri P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Trọng K sinh năm 1909, chết năm 1973 có 2 người vợ là bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1910, chết năm 2000 và Nguyễn Thị H, chết năm 1976. Ông K bà Đ sinh được 01 người con là Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1936 chết 2015 và có hai người con nuôi là bà Nguyễn Thị T (chết 2006) và ông Nguyễn Trọng A (chết 1993). Ông K và bà H, sinh được 05 người con là Nguyễn Thị Hồng L sinh năm 1951, Nguyễn Trọng Hải H, sinh năm 1958, Nguyễn Trọng Anh D sinh năm 1961, Nguyễn Trọng Anh T sinh năm 1966 và Nguyễn Thị Hồng N sinh năm 1970.

Theo trình bày của ông Ngô T (chồng bà T) thì vợ chồng ông K bà Đ vào năm 1955 đã tạo lập được một thửa đất vườn, tọa lạc tại số 105 đường Minh Mạng, phường Thủy Xuân, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế với diện tích ban đầu là 10.657 m² và được Ty Nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu số 145/NLN/QLQHRĐ vào ngày 28/11/1975, bà Đ đã chuyển nhượng một phần đất, còn lại khoảng 7.000m². Đến năm 1996, do có khiếu nại nên Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quyết định số 2035/QĐ/UBND ngày 01/7/1996 giải quyết khiếu nại về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đ. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế công nhận cho bà Đ trọn quyền sử dụng đối với thửa đất 7.000m² còn lại.

Ngày 13/9/1995, tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Lợi, thành phố H bà Đ đã lập di chúc để định đoạt tài sản của bà và được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Lợi chứng nhận. Có nội dung như sau:

“Lúc sinh tiền, vợ chồng tôi có tạo lập 1 ngôi nhà 1 tầng lầu và một ngôi nhà phụ 12 Hùng Vương, thành phố Huế và 1 thửa đất vườn tọa lạc tại xã Thủy Xuân, huyện Hương Thủy, Thừa Thiên Huế, 2 mẫu 3 sào 6 thước 6 tấc. Thửa đất này sau

này tùy thuộc các con tôi bàn bạc sử dụng. Còn ngôi nhà 12 Hùng Vương tôi quyết định như sau: Lấy ngôi nhà này làm Từ đường, thờ phụng Phật, Thánh, Tổ tiên, Ông bà, Cha mẹ truyền tử lưu tôn và không được bán, cầm cố đổi chác”.

Theo tờ di chúc, thì bà T được hưởng một phần đối với các di sản do bà Đ để lại. Tuy nhiên, đến năm 2004 ông T và bà N đã tự ý lập thủ tục đồng thuận phân chia di sản thừa kế và được Ủy ban nhân dân thành phố H chứng thực ngày 09/11/2004. Ông T đã lập thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Xuân. Ngày 13/7/2005, ông T và bà N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB259902 cho thửa số 240, tờ bản đồ số 39, diện tích 5.644m². Nay ông T yêu cầu:

- Ông T giao lại phần di sản của bà Nguyễn Thị T (vợ ông T) được hưởng 1/8 phần thừa kế của bà Đ trên giá trị thửa đất tại số 105 đường Minh Mạng, phường Thủy Xuân, thành phố H cho các con của bà T.

- Di sản là nhà, đất do bà Đ để lại là nhà đất tại số 14 Hùng Vương (số cũ 12) chia đều cho những người được chỉ định trong di chúc, bà T được hưởng 1/8.

- Hoa lợi và lợi tức phát sinh từ tài sản chung chưa chia do ông T và bà N kinh doanh tại số 14 Hùng Vương, thành phố H từ 2011 đến nay phải được chia đều cho 8 thừa kế.

Về phía bị đơn ông Nguyễn Trọng Anh T trình bày:

Bố mẹ của ông T là Ông Nguyễn Trọng K có 2 người vợ là Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị H, đã sinh hạ được sáu người con như trên là đúng. Đối với bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Trọng A, cả hai người là cháu ruột của bà Đ, khi anh chị em ông T được sinh ra và lớn lên tại số nhà 14 Hùng Vương thì bà T và ông A không sống cùng gia đình ông T. Anh chị em ông T không biết bà T và ông A ở nơi nào. Khi bà Đ còn sống thì thỉnh thoảng bà T có về thăm bà Đ và gọi bà Đ bằng O, ông T không nghe cha mẹ ông nói bà T và ông A là con nuôi. Những lúc gia đình có việc kỵ giỗ cũng không thấy bà T và ông A tham gia.

Về nguồn gốc thửa đất 5644m² tại số 105 đường Minh Mạng, phường Thủy Xuân, thành phố H và ngôi nhà 14 Hùng Vương, phường Phú Nhuận, thành phố H là di sản của ông K bà Đ để lại. Sau khi bố mẹ ông chết thì anh chị em ông T thỏa thuận cho ông T và bà N đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 240, tờ bản đồ số 39, diện tích 5644m² tại 105 Minh Mạng, thành phố H. Năm 2005, anh chị em ông T cùng thống nhất chuyển nhượng thửa đất này cho ông Hoàng Trọng Đ, bà Hồ Thị S diện tích 2255m², đến năm 2008 chuyển cho ông Nguyễn Phúc B và bà Nguyễn Thị Thanh M 3389m². Toàn bộ số tiền bán được giao cho bà T dùng để xây khoảng 20 cái lăng mộ và sửa chữa nhà 14 Hùng Vương để làm nơi thờ tự. Sau đó, số tiền còn lại chia cho mỗi người khoảng 20.000.000 đồng, gồm 05 người là 100.000.000 đồng.

Về căn nhà số 14 Hùng Vương, theo di chúc của bà Đ thì ngôi nhà 14 Hùng Vương để làm từ đường, thờ phụng tổ tiên, ông bà không được bán, cầm cố đổi chác. Về yêu cầu khởi kiện của ông T, ông T không đồng ý, vì bà T không phải là

con ruột của cha mẹ ông T, nên không có quyền hưởng thừa kế của cha mẹ ông T để lại.

Bị đơn bà N trình bày: Thống nhất cùng với nội dung lời khai của ông T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông D trình bày: Thống nhất với nội dung lời khai của ông T.

- Bà T khi còn sống bà khai rằng: Bà T và ông A là con nuôi của ông K bà Đ. Bà T không biết nguồn gốc lô đất 105 đường Minh Mạng, phường Thủy Xuân, còn ngôi nhà số 14 Hùng Vương, thành phố H sau khi ông K bà Đ chết thì bà T là người quản lý di sản và bà đã cho lại các em của bà sử dụng. Bà T không có yêu cầu chia thừa kế của cha mẹ, nên bà đề nghị không đưa bà tham gia với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Còn đối với yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn, bà T không có ý kiến gì.

- Bà L trình bày: Bà T có 10 người con hiện nay bà không biết địa chỉ. Còn lại bà thống nhất cùng với nội dung lời khai của ông T.

Tại phiên tòa sơ thẩm; Ông Ngô T và luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn yêu cầu: Chia di sản do ông Nguyễn Trọng K và bà Nguyễn Thị Đ để lại là: Giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa đất tọa lạc tại 105 đường Minh Mạng, phường Thủy Xuân, thành phố H; Giá trị quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà đối với căn nhà tại 14 Hùng Vương, thành phố H.

Sau khi bà Đ qua đời cả 6 người thống nhất tiến hành thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo pháp luật và cố tình che giấu tờ di chúc không trình báo với chính quyền. Như vậy, bà T, bà L, ông H, ông D, ông T, bà N không được hưởng di sản do bà Đ để lại, chỉ có bà T được hưởng, và năm 2006 bà T qua đời không lập di chúc nên chồng bà T là ông Ngô T và các con được hưởng phần di sản này.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô T: Công nhận cho ông Ngô T và các con ông T là Ngô Văn T, Ngô Thị Cẩm T, Ngô Thị Cẩm N và Ngô Thị Cẩm V được hưởng 1/20 giá trị tài sản của ông Nguyễn Trọng K để lại và toàn bộ phần di sản của bà Đ để lại gồm 1/2 tổng giá trị tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Đ.

Ngày 11/01/2019 Tòa án nhân dân thành phố H đưa vụ án ra giải quyết và quyết định như sau:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 624, Điều 625, Điều 631, Điều 642, Điều 643, Điều 645, Điều 658 và Điều 659 của Bộ luật Dân sự. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô T; xử buộc: Ông Nguyễn Trọng Anh T và bà Nguyễn Thị Hồng N phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 493.850.000đồng, ông Ngô T đại diện cho các nguyên đơn nhận khoản tiền này. Ông Nguyễn Trọng Anh T và bà Nguyễn Thị Hồng N phải thanh toán cho ông Nguyễn Trọng A số tiền 493.850.000đồng, bà Nguyễn Thị T đại diện nhận khoản tiền này.

Hai khoản tiền nêu trên là kỷ phần được thừa kế di sản của ông Nguyễn Trọng K và Nguyễn Thị Đ đối với diện tích đất 5.644m² tại thửa đất số 240, tờ bản đồ 39 tọa lạc tại 105 đường Minh Mạng, phường Thủy Xuân, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm ông Ngô T phải chịu 23.754.000đồng, ông Ngô T đã nộp 23.937.500 đồng theo biên lai số 006575 ngày 01/8/2013 tại cơ quan thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế nên được khấu trừ.

Ngày 16/01/2019 Ông T có đơn kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm là không khách quan, chưa xem xét đến toàn bộ chứng cứ có trong vụ án, vi phạm nghiêm trọng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Ngày 25/01/2019 và ngày 20/02/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có Quyết định kháng nghị bản án sơ thẩm nói trên, đề nghị Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung.

Tại phiên tòa luật sư bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh có ý kiến cho rằng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm, Tòa án đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bảo đảm quyền lợi của các bên đương sự, không vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đối với trường hợp của ông Nguyễn Trọng A (chết năm 1993 chết trước bà Đ). Tòa án sơ thẩm xác định bà Trần Thị T vợ ông A là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đối với phần di sản thừa kế của bà Đ mà không đưa các con của ông A tham gia tố tụng là không đúng quy định của pháp luật. Bởi vì theo quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Thừa kế thế vị thì “*Trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống* là các con của ông A. Tòa án không xác minh thu thập ý kiến của các con ông A để xem họ có yêu cầu chia di sản thừa kế phần của ông A hay không. Nếu có thì Tòa án phải đưa các con của ông A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất đang tranh chấp với diện tích 5.644m² tọa lạc tại 105 đường Minh Mạng, phường Thủy Xuân, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế có sự chuyển nhượng cho ông Hoàng Trọng Đ, bà Hồ Thị S và ông Nguyễn Phúc B và bà Nguyễn Thị Thanh M mà không đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để giải quyết vụ án một cách triệt để là thiếu sót.

[1.3] Trong ngôi nhà 14 Hùng Vương có nhiều hộ gia đình đang sinh sống trong đó, nhưng không xem xét để đưa những người từ 18 tuổi trở lên vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót.

[2]. Về nội dung

[2.1] Đối với đĩa thu âm phần tuyên án kèm theo Quyết định bổ sung quyết định kháng nghị số 92/QĐ-VKS-DS ngày 20/02/2019, mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố H cung cấp cho rằng “*Bản án tuyên đọc tại phiên tòa và Bản án ban hành có phần nhận định về nhà đất tại số 14 Hùng Vương, phường Phú Nhuận, thành phố Huế không giống nhau, có sửa chữa, bổ sung*”. Đây là chứng cứ mà đại diện Viện kiểm sát cung cấp để Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết. Tuy nhiên, đĩa thu âm này không đáp ứng được các quy định của pháp luật về chứng cứ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố H không cung cấp được tài liệu xác định nguồn gốc của việc thu âm này được thu theo quy định của pháp luật, hơn nữa việc thu âm này không được sự xác nhận của Hội đồng xét xử, vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ tham khảo chứ không xem đây là chứng cứ hợp pháp để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.2]. Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, chứng minh việc bị đơn có xây lăng mộ, sửa chữa ngôi nhà 14 Hùng Vương để làm nơi thờ tự thực tế hết bao nhiêu tiền, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng chi phí khoảng 30%, nên trích 30% giá trị tài sản thừa kế của thửa đất tại 105 Minh Mạng, thành phố H để thanh toán chi phí sửa chữa ngôi nhà 14 Hùng Vương và xây lăng đắp mộ, là vi phạm quy định tại Điều 93, 96, 97 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có yêu cầu chia thừa kế ngôi nhà 14 Hùng Vương thành phố H. Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định nhưng ở phần quyết định của bản án không giải quyết cụ thể là chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là thiếu sót.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Bản án sơ thẩm đã có những sai sót nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm buộc ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.754.000 đồng, ông T ông đã nộp tạm ứng án phí 23.937.500 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 006575 ngày 01/8/2013, nhưng lại không tuyên trả cho ông T số tiền còn thừa 183.500 đồng là làm thiệt hại quyền lợi của ông T.

Tại phiên tòa ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định nhưng phần quyết định không tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là thiếu sót.

Ở phần Quyết định Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông T bà N phải thanh toán cho ông A số tiền 493.850.000đồng, bà T đại diện nhận khoản tiền này là vượt quá yêu cầu khởi kiện, vì các con ông A không có yêu cầu. Hơn nữa khi đã tuyên bà T đại diện nhận khoản tiền thừa kế nhưng không tuyên buộc bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là làm thiệt hại quyền lợi của Nhà nước.

Do đó, Hội đồng xét xử xét phúc thẩm cần hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Án phí dân sự phúc thẩm ông T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H và kháng cáo của ông Ngô T.

1. Hủy bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” giữa:

Nguyên đơn: Ông Ngô T, ông Ngô Văn T, bà Ngô Thị Cẩm T, bà Ngô Thị Cẩm N, bà Ngô Thị Cẩm V.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Anh T và bà Nguyễn Thị Hồng N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Ngô T số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 007797 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- TAND Tp H;
- Cục THA Tp H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TDs.

Đã ký

La Minh Tường